

Số: 91 /XNKDM

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Sản Xuất Xuất Nhập Khẩu Dệt may
- Địa chỉ : 20 đường Lĩnh Nam – Phường Mai Động – Quận Hoàng Mai –
Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 024.36335517

Fax: 024.38624620

- Website: <http://www.vinateximex.vn>

- Người chịu trách nhiệm công bố thông tin : Bùi Trung Dũng

Nội dung công bố thông tin :

Công ty cổ phần sản xuất xuất nhập khẩu Dệt may xin công bố thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023, thông tin này cũng được công bố trên trang điện tử của Công ty tại địa chỉ <http://www.vinateximex.vn> mục Cổ đông.

Công ty chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc công bố thông tin.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Bùi Trung Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phan Việt Hào	Chủ tịch
Ông Bùi Trung Dũng	Thành viên
Bà Hoàng Thúy Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Trung Dũng	Tổng giám đốc
Bà Hoàng Thúy Anh	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,



Phan Việt Hào
Chủ tịch Hội đồng quản trị - Đại diện theo pháp luật

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Số: 68 /2024/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/03/2024 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty, Chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về số dư khoản chi phí lãi vay phải trả tại ngày 31/12/2022 với số tiền khoảng 61,898 tỷ đồng do chưa có xác nhận/thỏa thuận thống nhất với các đối tác cho vay. Trong đó, lãi vay phải trả với các ngân hàng thương mại tại ngày 31/12/2022 khoảng 53,998 tỷ đồng, lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Nhất Long là 7 tỷ đồng. Trong năm 2023, Công ty đã được các ngân hàng thông qua việc miễn toàn bộ số lãi vay còn phải trả do đã thanh toán toàn bộ nợ gốc, Công ty hạch toán giảm toàn bộ chi phí lãi vay phải trả tính đến thời điểm hoàn thành việc thanh toán các khoản gốc vay cho các ngân hàng vào năm 2023. Số lãi vay phải trả lũy kế theo ghi nhận của Công ty chênh lệch thấp hơn với số liệu lãi vay phải trả các ngân hàng ghi nhận khoảng 13,064 tỷ đồng do Công ty chưa ghi nhận lãi phạt quá hạn từ các năm trước. Ngoài ra, Công ty trích bổ sung lãi vay phải trả các năm trước đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Nhất Long vào năm 2023 với số tiền khoảng 4 tỷ đồng sau khi Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thông qua bản án phúc thẩm vụ kiện Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Nhất Long đối với Tập đoàn Dệt may Việt Nam về nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt may Việt Nam với khoản vay của Công ty tại đơn vị này. Tổng số lãi vay phải trả Công ty đã ghi nhận đến ngày 31/12/2022 chênh lệch so với số liệu đối chiếu/tất toán nghĩa vụ với các bên chênh khoảng 17,064 tỷ đồng được ghi nhận toàn bộ vào năm 2023. Nếu các chi phí lãi vay được ghi nhận đúng kỳ kế toán, số dư chi phí phải trả tại ngày 31/12/2022 tăng lên khoảng 17,064 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm đi số tương ứng; chi phí lãi vay năm 2023 giảm đi và kết quả kinh doanh năm 2023 tăng lên cùng số tiền khoảng 17,064 tỷ đồng mặc dù số dư chi phí lãi vay phải trả và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2023 không bị ảnh hưởng.

Chúng tôi không thể thu thập được Biên bản đối chiếu công nợ và bằng chứng kiểm toán thay thế cần thiết về số dư các khoản phải trả người bán của Công ty tại ngày 31/12/2023 với tổng giá trị ghi sổ là 1.409.284.379 đồng (đã được nêu trong “Ý kiến kiểm toán ngoại trừ” tại Báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính các năm trước của Công ty).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như nêu tại thuyết minh số 4.1 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2023, Công ty có lỗ lũy kế khoảng 271,430 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2022 lỗ lũy kế là 315,894 tỷ đồng) đã làm vốn chủ sở hữu âm 226,703 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021 là âm 271,167 tỷ đồng), số dư nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 229,933 tỷ đồng (tại 31/12/2022 khoảng 261,656 tỷ đồng). Việc cải thiện tình hình tài chính, khả năng thanh toán ngắn hạn phụ thuộc vào công tác tái cấu trúc và sắp xếp nguồn tài chính, sự hỗ trợ từ các bên liên quan của Công ty. Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 11/HĐQT-NQ ngày 29/11/2023 về chủ trương bán một số khoản nợ phải thu của khách hàng để có nguồn tiền trả nợ, theo đó, Công ty đã ký biên bản thỏa thuận với một số cá nhân với nội dung: Công ty có nhu cầu bán các khoản nợ, các cá nhân có nhu cầu mua các khoản nợ phải thu của Công ty; các cá nhân đã tạm ứng trước số tiền 196.896.153.787 đồng để được quyền ưu tiên mua các khoản nợ của Công ty; việc chuyển giao quyền đòi nợ sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng mua bán nợ theo quy định, thời điểm xác định phương án mua bán nợ trước ngày 30/04/2024. Từ nguồn tiền Công ty đã nhận trước từ các bên thỏa thuận mua nợ nêu trên, Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền gốc vay và các nghĩa vụ trả nợ với các bên gồm Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, theo đó Công ty đã được các ngân hàng thông qua việc miễn toàn bộ số lãi vay còn phải trả. Công ty đã ghi nhận giảm toàn bộ chi phí lãi vay phải trả tính đến thời điểm hoàn thành việc thanh toán các khoản vay cho các ngân hàng vào kết quả kinh doanh trong năm, theo đó, chi phí tài chính năm 2023 của Công ty là (47.058.519.143) đồng và lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty đạt 44.464.101.374 đồng, tài sản ròng của Công ty tăng lên tương ứng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua phương án bán nợ với các cá nhân nêu trên trước khi ký hợp đồng mua bán nợ. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tin tưởng sẽ nhận được sự hỗ trợ của các cổ đông để hoàn thành việc tái cấu trúc tài chính và Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp. Đồng thời việc phân loại lại các tài sản và nợ phải trả sẽ được trình bày phù hợp trên Báo cáo tài chính của Công ty tùy thuộc vào phương án bán nợ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tại thời điểm thực hiện chuyển giao quyền đòi nợ theo các hợp đồng mua bán nợ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2909-2020-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01- DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.804.471.454	3.875.071.950
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		734.099.884	1.391.164.163
1. Tiền	111	5	734.099.884	1.391.164.163
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.070.371.570	1.697.131.185
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	235.208.267.414	239.512.196.241
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		501.643.155	501.643.155
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.123.953.916	364.452.227
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(235.763.492.915)	(238.681.160.438)
III. Hàng tồn kho	140	8	-	-
1. Hàng tồn kho	141		53.766.439	53.766.439
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(53.766.439)	(53.766.439)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	786.776.602
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	10.757.671
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	776.018.931
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.230.948.958	3.512.323.801
I. Tài sản cố định	220		1.042.760.958	1.354.165.801
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.042.760.958	1.354.165.801
- Nguyên giá	222		6.235.124.550	6.235.124.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.192.363.592)	(4.880.958.749)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	2.188.188.000	2.158.158.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		412.560.000	412.560.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.200.200.000	2.200.200.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(424.572.000)	(454.602.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		12.035.420.412	7.387.395.751

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		238.737.930.120	278.554.006.833
I. Nợ ngắn hạn	310		238.737.930.120	265.530.755.783
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	6.078.276.464	6.378.276.464
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	324.972.963	19.780.202.035
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	5.897.777.739	28.775.510
4. Phải trả người lao động	314		458.179.358	410.680.566
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	13.803.109.629	62.906.585.401
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		152.350.009	175.458.180
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	200.470.469.057	13.508.451.900
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	11.550.500.000	162.340.030.826
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.294.901	2.294.901
II. Nợ dài hạn	330		-	13.023.251.050
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	-	13.023.251.050
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(226.702.509.708)	(271.166.611.082)
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	(226.702.509.708)	(271.166.611.082)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.797.630.000	42.797.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.797.630.000	42.797.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		779.763.000	779.763.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.149.867.833	1.149.867.833
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(271.429.770.541)	(315.893.871.915)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(315.893.871.915)	(316.015.744.381)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		44.464.101.374	121.872.466
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.035.420.412	7.387.395.751

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Người lập

Trần Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huệ

Chủ tịch HĐQT



Phan Việt Hào

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02- DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	9.247.808.664	11.552.240.752
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.247.808.664	11.552.240.752
4. Giá vốn hàng bán	11	21	6.314.599.911	8.464.505.352
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.933.208.753	3.087.735.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.050.653.647	1.060.232.635
7. Chi phí tài chính	22	23	(47.058.519.143)	1.104.925.984
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(47.032.164.553)	1.059.872.363
8. Chi phí bán hàng	25	24	524.691.430	537.383.584
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	1.485.237.969	2.384.198.342
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.032.452.144	121.460.125
11. Thu nhập khác	31		2.609.091	563.053
12. Chi phí khác	32		-	150.712
13. Lợi nhuận khác	40		2.609.091	412.341
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.035.061.235	121.872.466
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.570.959.861	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.464.101.374	121.872.466
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	10.389	28

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Người lập



Trần Phương Thảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Huệ



Chủ tịch HĐQT

Phan Việt Hào

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.490.120.521	16.407.414.821
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(6.231.206.283)	(9.282.610.897)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.867.773.556)	(1.544.554.474)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.089.015.395)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	28	197.417.476.031	197.967.833
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	28	(39.504.408.907)	(2.651.457.504)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		162.215.192.411	3.126.759.779
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.012.309.003	1.010.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.012.309.003	1.010.000.000
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		6.500.000.000	23.500.060.015
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(170.312.781.876)	(30.281.272.146)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(70.000.000)	(70.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(163.882.781.876)	(6.851.212.131)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(655.280.462)	(2.714.452.352)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.391.164.163	4.101.978.649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.783.817)	3.637.866
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		734.099.884	1.391.164.163

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Người lập

Trần Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huệ

Chủ tịch HĐQT



Phan Việt Hào

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt may (gọi tắt là "Công ty") trụ sở đặt tại số 20 đường Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102405830 ngày 17/10/2007, đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ sáu ngày 26/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 42.797.630.000 đồng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 15 người (ngày 31/12/2022 là 15 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu phục vụ ngành may.

1.2. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có lỗ lũy kế khoảng 271,430 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2022 lỗ lũy kế là 315,894 tỷ đồng) làm cho vốn chủ sở hữu âm 226,703 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2021 là âm 271,167 tỷ đồng), số dư nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 229,933 tỷ đồng (tại 31/12/2022 khoảng 261,656 tỷ đồng). Việc cải thiện tình hình tài chính, khả năng thanh toán ngắn hạn phụ thuộc vào việc tái cấu trúc tài chính và sắp xếp nguồn tài chính, hỗ trợ từ các bên liên quan của Công ty. Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 11/HĐQT-NQ ngày 29/11/2023 về chủ trương bán một số khoản nợ phải thu của khách hàng để có nguồn tiền trả nợ, theo đó, Công ty đã ký biên bản thỏa thuận với một số cá nhân với nội dung: Công ty có nhu cầu bán các khoản nợ, các cá nhân có nhu cầu mua các khoản nợ phải thu của Công ty; các cá nhân đã tạm ứng trước số tiền 196.896.153.787 đồng để được quyền ưu tiên mua các khoản nợ của Công ty; việc chuyển giao quyền đòi nợ sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng mua bán nợ theo quy định, thời điểm xác định phương án mua bán nợ trước ngày 30/04/2024. Từ nguồn tiền tạm ứng nêu trên, Công ty đã thanh toán toàn bộ số gốc vay và các nghĩa vụ phải trả với các bên gồm Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; theo đó Công ty đã được các ngân hàng thông qua việc miễn toàn bộ số lãi còn phải trả. Công ty đã ghi nhận giảm toàn bộ chi phí lãi vay phải trả tính đến thời điểm hoàn thành việc thanh toán các khoản vay cho các ngân hàng vào kết quả kinh doanh trong năm, theo đó, chi phí tài chính năm 2023 của Công ty là (47.058.519.143) đồng và lợi nhuận sau

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

thuế năm 2023 của Công ty đạt 44.464.101.374 đồng, tài sản ròng của Công ty tăng lên tương ứng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua phương án bán nợ với các cá nhân trên trước khi ký kết hợp đồng mua bán nợ theo quy định. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tin tưởng sẽ nhận được sự hỗ trợ của các cổ đông để hoàn thành việc tái cấu trúc tài chính và Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp. Đồng thời việc phân loại lại các tài sản và nợ phải trả sẽ được trình bày phù hợp trên Báo cáo tài chính của Công ty tùy thuộc vào phương án bán nợ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tại thời điểm thực hiện chuyển giao quyền đòi nợ theo các hợp đồng mua bán nợ.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

4.4. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái, số dư khoản mục này được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.5. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí công cụ, dụng cụ, xuất dùng, đồ dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định được áp dụng như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

4.9. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vốn vào đơn vị khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư được trích lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về lãi tiền vay phải trả và số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.12. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi; cổ tức, lợi nhuận được chia (nếu có); lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận;

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (c) Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.16. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	192.750.081	248.609.362
Tiền gửi ngân hàng	541.349.803	1.142.554.801
Cộng	734.099.884	1.391.164.163

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng khác	235.208.267.414	239.512.196.241
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	33.593.572.750	33.733.572.750
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	40.255.792.764	40.291.792.764
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	29.866.566.760	29.921.566.760
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Sản xuất Nhật Sơn	25.166.941.040	25.301.949.928
Công ty TNHH Tân Việt	19.550.547.880	19.559.547.880
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Tinh Mã	15.668.572.715	15.668.572.715
Công ty Cổ phần Minh Sơn	10.944.104.470	12.604.104.470
Các khách hàng khác	60.162.169.035	62.431.088.974
Cộng	235.208.267.414	239.512.196.241

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan	8.000.000.000	-	111.088.083	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam (*)	8.000.000.000	-	111.088.083	-
Các khoản phải thu khác	123.953.916	(89.185.144)	253.364.144	(201.411.024)
Tạm ứng cho nhân viên	116.888.772	(82.120.000)	241.114.000	(194.345.880)
Phải thu khác	7.065.144	(7.065.144)	12.250.144	(7.065.144)
Cộng	8.123.953.916	(89.185.144)	364.452.227	(201.411.024)

(*) Khoản đặt cọc cho Tập đoàn Dệt may Việt Nam liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt may Việt Nam đối với số dư tiền vay và lãi vay phải trả của Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Nhất Long (xem thêm tại Thuyết minh số 13).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	53.766.439	(53.766.439)	53.766.439	(53.766.439)
Cộng	53.766.439	(53.766.439)	53.766.439	(53.766.439)

9. NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Thời gian quá hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Anh	33.593.572.750	-	33.593.572.750	-
Công ty Cổ Phần Tập đoàn An Phát	40.255.792.764	-	40.255.792.764	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và XNK Hà Đông	29.866.566.760	-	29.866.566.760	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Sản xuất Nhật Sơn	25.166.941.040	-	25.166.941.040	-
Công ty TNHH Tân Việt	19.550.547.880	-	19.550.547.880	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Thuận	6.615.995.583	-	6.615.995.583	1.238.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Tinh Mã	15.668.572.715	-	15.668.572.715	-
Công ty Cổ phần Minh Sơn	10.944.104.470	-	10.944.104.470	-
Các khách hàng khác	54.101.398.953	-	56.253.501.590	331.444.001
Cộng	235.763.492.915	-	240.250.604.439	1.569.444.001
			240.250.604.439	(238.681.160.438)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ										
Tại ngày 01/01/2023	5.229.875.938	151.500.000	750.654.545	103.094.067	6.235.124.550					
Tại ngày 31/12/2023	5.229.875.938	151.500.000	750.654.545	103.094.067	6.235.124.550					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Tại ngày 01/01/2023	4.059.814.379	114.211.290	603.839.013	103.094.067	4.880.958.749					
Khấu hao trong năm	146.289.311	18.300.000	146.815.532	-	311.404.843					
Tại ngày 31/12/2023	4.206.103.690	132.511.290	750.654.545	103.094.067	5.192.363.592					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày 01/01/2023	1.170.061.559	37.288.710	146.815.532	-	1.354.165.801					
Tại ngày 31/12/2023	1.023.772.248	18.988.710	-	-	1.042.760.958					
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	1.028.875.364	60.000.000	750.654.545	103.094.067	1.942.623.976					

11. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	31/12/2023		01/01/2023	
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Coffee Indochine	20%	20%	412.560.000	(412.560.000)	412.560.000	(412.560.000)
Đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Đáp Cầu - Yên Phong (*)	9,26%	9,26%	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần X20 - Bộ quốc phòng	0,12%	0,12%	200.200.000	(12.012.000)	200.200.000	(42.042.000)
Cộng			2.612.760.000	(424.572.000)	2.188.188.000	(454.602.000)

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đáp Cầu - Yên Phong được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản bảo lãnh của Tập đoàn Dệt may Việt Nam đối với số dư tiền vay và lãi vay phải trả của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Nhật Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan	4.668.992.085	4.668.992.085	4.968.992.085	4.968.992.085
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	4.668.992.085	4.668.992.085	4.968.992.085	4.968.992.085
Phải trả nhà cung cấp khác	1.409.284.379	1.409.284.379	1.409.284.379	1.409.284.379
Công ty Cổ phần Vinacom Việt Nam	487.092.347	487.092.347	487.092.347	487.092.347
Công ty TNHH Dệt may Hà Nội	377.998.500	377.998.500	377.998.500	377.998.500
Các nhà cung cấp khác	544.193.532	544.193.532	544.193.532	544.193.532
Cộng	6.078.276.464	6.078.276.464	6.378.276.464	6.378.276.464

13. VAY VÀ THUẾ NỢ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	162.340.030.826	-	-	150.789.530.826	11.550.500.000	-
Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần - Bên liên quan (1)	3.500.000.000	-	-	-	3.500.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	50.896.153.787	-	-	50.896.153.787	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Nhất Long (3)	8.050.500.000	-	-	-	8.050.500.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (4)	6.906.337.635	-	-	6.906.337.635	-	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Bên liên quan (5)	92.987.039.404	-	-	92.987.039.404	-	-
Vay dài hạn	13.023.251.050	-	6.500.000.000	19.523.251.050	-	-
Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Bên liên quan (6)	13.023.251.050	-	6.500.000.000	19.523.251.050	-	-
Cộng	175.363.281.876	-	6.500.000.000	170.312.781.876	11.550.500.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Thông tin các hợp đồng vay của Công ty như sau:

Nội dung	Số hợp đồng	Số dư tại 31/12/2023 (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn					
(1) Tổng công ty May Hưng Yên - Số 01/2013/HĐ ngày 24/05/2013 Công ty Cổ phần		3,5	Bổ sung thêm nguồn vốn để đầu tư thiết bị và vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh	Khoản vay đã quá hạn thanh toán	
(2) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Số 01.190.2013/HĐTĐHM ngày 20/09/2013		-	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	(*)	Bảo lãnh của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
(3) Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Nhất Long (Chuyển từ khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam) Số 529.13.035.20216.TD ngày 16/08/2013, số 543.13.065.20216.TD ngày 21/08/2013 và số 551.13.065.20216.TD ngày 23/08/2013		8,05	Thanh toán LC nhập khẩu thiết bị ngành may, Bông	Khoản vay đã quá hạn thanh toán và chuyển sang công ty Nhất Long theo Hợp đồng mua bán nợ số 61/2021/HĐMBN/MB-NL ngày 05/11/2021 (**)	Thiết bị, hàng hóa hình thành từ khoản vay và tín chấp của Tập đoàn dệt may Việt Nam
(4) Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam HĐ Tín dụng số 01/2014/HĐKT/HN ngày 24/01/2014		-	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh	(*)	Tín chấp và bảo lãnh của Tập đoàn Dệt may Việt Nam
(5) Tập đoàn Dệt may Việt Nam Số 08/TDDMVN - VINATEXIMEX ngày 31/07/2015		-	Trả nợ của NH TMCP Ngoại thương Việt Nam theo công văn 1505/KH ngày 31/07/2015	(*)	Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất tại 20 Lĩnh Nam
	01/HĐ-VNT/XNKDM ngày 30/12/2021	-	Trả gốc vay của VTI tại NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	(*)	200.000 cổ phần tại Công ty cổ phần Đập Cầu - Yên Phong theo hợp đồng cầm cố 01/VNT-XNKDM và tài sản trên đất tại số 315 phố Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng
	02/HĐ-VNT/XNKDM ngày 26/10/2022	-	Trả gốc vay của VTI tại NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	(*)	

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Nội dung	Số hợp đồng	Số dư tại 31/12/2023 (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
Vay dài hạn					
Số 01/HĐ-TDDMVN ngày 17/01/2017		-	Nộp tiền truy thu thuế năm 2013, 2014	(*)	Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất tại 20 Lĩnh Nam 200.000 cổ phần tại Công ty cổ phần Đập Cầu - Yên Phong theo hợp đồng cầm cố 01/VNT-XNKDM và tài sản trên đất tại số 315 phố Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng
(6) Tập đoàn Dệt may Việt Nam	03/HĐ-VNT/XNKDM ngày 21/12/2022	-	Trả gốc vay của VTI tại NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	(*)	
	01/2023/HĐ-VNT/XNKDM ngày 28/06/2023	-	Trả gốc vay của VTI tại NH TMCP TMCP Hàng Hải Việt Nam	(*)	

(*) Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 11/HĐQT-NQ ngày 29/11/2023 về chủ trương bán một số khoản nợ phải thu của khách hàng để có nguồn tiền trả nợ, theo đó, Công ty đã ký biên bản thỏa thuận với một số cá nhân có nhu cầu mua các khoản nợ phải thu của Công ty. Bên nhận mua đã tạm ứng cho Công ty số tiền 196.896.153.787 đồng để Công ty có nguồn tiền thanh toán các nghĩa vụ. Từ nguồn tiền tạm ứng nêu trên, Công ty đã thanh toán toàn bộ số gốc vay và nghĩa vụ với các bên: Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và được các ngân hàng thông qua việc miễn toàn bộ số lãi còn phải trả.

(**) Khoản vay và lãi vay phải trả của Công ty được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Theo Bản án phúc thẩm số 197/2023/KDTM-PT ngày 31/08/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội: Chấp nhận 01 phần khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Dịch vụ Nhất Long, buộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất-Xuất nhập khẩu Dệt may tính đến ngày 21/03/2023, đồng thời tiếp tục chịu trách nhiệm bảo lãnh đối với tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo từng hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Các nghĩa vụ tính đến ngày 21/03/2023 bao gồm nợ gốc 8.050.500.000 đồng và 11.283.892.192 đồng tiền lãi. Công ty đã trích đầy đủ lãi vay phải trả đến ngày 31/12/2023. Bản án đang được hoãn thi hành án để xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Người mua trả trước là bên liên quan	-	19.462.747.660
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	-	19.462.747.660
Trả trước của khách hàng khác	324.972.963	317.454.375
RICH CREATION ASIA PACIFIC LTD	239.660.540	239.660.540
Khách hàng khác	85.312.423	77.793.835
Cộng	<u>324.972.963</u>	<u>19.780.202.035</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2023</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>31/12/2023</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	18.658.307	400.526.551	407.641.174	11.543.684
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(135.048.552)	4.570.959.861	-	4.435.911.309
Thuế thu nhập cá nhân	10.117.203	25.824.176	25.773.866	10.167.513
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(640.970.379)	3.336.777.902	1.255.652.290	1.440.155.233
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	<u>(747.243.421)</u>	<u>8.338.088.490</u>	<u>1.693.067.330</u>	<u>5.897.777.739</u>
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	776.018.931			-
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28.775.510			5.897.777.739

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.180.841.360	62.302.021.308
Các khoản trích trước khác	622.268.269	604.564.093
Cộng	<u>13.803.109.629</u>	<u>62.906.585.401</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Ông Nguyễn Sơn Thạch (*)	103.049.706.569	-
Ông Lê Trung Hiền (*)	46.950.293.431	-
Ông Nguyễn Hồng Sơn (*)	46.896.153.787	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	-	10.010.904.110
Cổ tức phải trả	3.102.910.000	3.172.910.000
Kinh phí công đoàn	1.539.812	1.532.812
Các khoản phải trả, phải nộp khác	469.865.458	323.104.978
Cộng	<u>200.470.469.057</u>	<u>13.508.451.900</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU DỆT MAY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

(*) Theo Nghị quyết số 11/HĐQT-NQ ngày 29/11/2023 của Hội đồng quản trị về chủ trương bán một số khoản nợ phải thu của khách hàng để có nguồn tiền trả nợ, Công ty đã ký biên bản thỏa thuận với một số cá nhân với nội dung: Công ty có nhu cầu bán các khoản nợ, các cá nhân có nhu cầu mua các khoản nợ phải thu của Công ty; bên nhận mua đã tạm ứng trước số tiền 196.896.153.787 đồng để Công ty có nguồn tiền thực hiện các nghĩa vụ thanh toán; các cá nhân được quyền ưu tiên mua các khoản nợ của Công ty. Trong thời gian tới, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua phương án bán nợ với các cá nhân trước khi ký kết hợp đồng mua bán nợ theo quy định. Việc phân loại lại các tài sản và nợ phải trả sẽ được trình bày phù hợp trên Báo cáo tài chính của Công ty tùy thuộc vào phương án bán nợ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tại thời điểm thực hiện chuyển giao quyền đòi nợ theo các hợp đồng mua bán nợ.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ Đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	%	VND	%	VND	%	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2022	42.797.630.000		779.763.000		1.149.867.833		(316.015.744.381)	(271.288.483.548)	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		121.872.466	121.872.466	
Tại ngày 01/01/2023	42.797.630.000		779.763.000		1.149.867.833		(315.893.871.915)	(271.166.611.082)	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		44.464.101.374	44.464.101.374	
Tại ngày 31/12/2023	42.797.630.000		779.763.000		1.149.867.833		(271.429.770.541)	(226.702.509.708)	

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	29.250.000.000	68,34%	29.250.000.000	68,34%
Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần	2.334.340.000	5,45%	2.334.340.000	5,45%
Các cổ đông khác	11.213.290.000	26,20%	11.213.290.000	26,20%
Cộng	42.797.630.000	100%	42.797.630.000	100%

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	42.797.630.000	42.797.630.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	42.797.630.000	42.797.630.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.279.763	4.279.763
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.279.763	4.279.763
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.279.763	4.279.763
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.279.763	4.279.763
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.279.763	4.279.763
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu	10.000	10.000

19. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
Đô la Mỹ (USD)	498,07	1.287,47

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	4.523.291.220	7.414.579.972
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.724.517.444	4.137.660.780
Cộng	9.247.808.664	11.552.240.752

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.516.343.000	7.387.380.924
Giá vốn của dịch vụ cung ứng	1.798.256.911	1.077.124.428
Cộng	6.314.599.911	8.464.505.352

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.309.003	1.594.769
Lãi bán hàng trả chậm	35.000.000	45.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.010.000.000	1.010.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.344.644	3.637.866
Cộng	1.050.653.647	1.060.232.635

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay (*)	(47.032.164.553)	1.059.872.363
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(30.030.000)	42.042.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.637.866	1.863.830
Chi phí tài chính khác	37.544	1.147.791
Cộng	(47.058.519.143)	1.104.925.984

Trong năm, Công ty đã thanh toán toàn bộ số gốc vay và nghĩa vụ với các bên: Tập đoàn Dệt may Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và được các ngân hàng thông qua việc miễn toàn bộ số lãi còn phải trả. Công ty đã ghi nhận giảm toàn bộ chi phí lãi vay phải trả tính đến thời điểm hoàn thành việc thanh toán các khoản vay cho các ngân hàng trong năm 2023 vào khoản mục Chi phí tài chính, theo đó chi phí lãi vay là (47.032.164.553) đồng và tổng chi phí tài chính năm 2023 của Công ty là (47.058.519.143) đồng.

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	524.691.430	537.383.584
Chi phí nhân công	518.619.010	516.090.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.838.420	3.037.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.234.000	18.255.612
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	1.485.237.969	2.384.198.342
Chi phí nhân công	1.579.183.075	1.580.794.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.826.255	291.420.629
Thuế, phí và lệ phí	2.218.323.850	1.024.766.697
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.917.667.523)	(926.774.120)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	459.572.312	413.990.715
Cộng	2.009.929.399	2.921.581.926

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	49.035.061.235	121.872.466
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.010.000.000)	(175.027.177)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.010.000.000)	(1.010.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	834.972.823
Thu nhập chịu thuế	48.025.061.235	(53.154.711)
Chuyển lỗ các năm trước	(25.170.261.931)	-
Thu nhập tính thuế	22.854.799.304	(53.154.711)
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.570.959.861	-

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44.464.101.374	121.872.466
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.464.101.374	121.872.466
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.279.763	4.279.763
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.389	28

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.516.343.000	7.387.380.924
Chi phí nhân công	2.097.802.085	2.096.885.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	311.404.843	404.727.117
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(2.917.667.523)	(926.774.120)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	4.316.646.905	2.423.868.169
Cộng	8.324.529.310	11.386.087.278

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	197.417.476.031	197.967.833
Nhận tiền tạm ứng của các cá nhân theo các Thỏa thuận mua nợ (*)	196.896.153.787	-
Thu khác	521.322.244	197.967.833
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	39.504.408.907	2.651.457.504
Chi tiền đặt cọc cho Tập đoàn Dệt may Việt Nam - bên liên quan (**)	8.000.000.000	-
Hoàn trả tiền tạm ứng, đặt cọc cho Tập đoàn Dệt may Việt Nam - bên liên quan	29.473.651.770	-
Chi khác	2.030.757.137	2.651.457.504

(*) Xem thêm tại thuyết minh số 17

(**) Xem thêm tại thuyết minh số 7.

29. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty chỉ giao dịch với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	Cùng Công ty mẹ
Tổng công ty May Hưng Yên - Công ty Cổ phần	Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ bên liên kết của Công ty mẹ

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay phát sinh trong năm		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	1.485.078.410	403.936.985
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	70.000.000	70.000.000

Số dư với bên liên quan

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tập đoàn dệt may Việt Nam		
Chi phí lãi vay phải trả	-	403.936.985
Tiền cổ tức phải trả	3.050.000.000	3.120.000.000
Phải trả khác	-	10.010.904.110
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Chi phí phải trả	501.420.518	501.420.518

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Phan Việt Hào	Chủ tịch HĐQT	132.025.227	127.628.194
Ông Bùi Trung Dũng	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	191.407.650	141.278.719
Bà Hoàng Thúy Anh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	186.461.231	137.336.357
Cộng		509.894.108	406.243.270

30. THÔNG TIN KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập và thù lao của ban kiểm soát	296.457.728	193.674.563

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Người lập

Trần Phương Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huệ

Chủ tịch HĐQT



Phan Việt Hào

Partnering for **Success**

ĐỊA CHỈ GIAO DỊCH:

**Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

E anviet@anvietcpa.com
T (84-24) 6278 2904
F (84-24) 6278 2905

**Tầng 9, tòa nhà AC ngõ 78 Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội**

E anviet.hn@anvietcpa.com
T (84-24) 3795 8705
F (84-24) 3795 8677

**Tầng 7, tòa nhà Hải Quân số 5 Lý Tự Trọng
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

E anviet.hp@anvietcpa.com
T (84-225) 3842 430
F (84-225) 3842 433

